TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 27- 01- 2022
V/v ly hôn
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Phức

2. Ông Trần Đăng Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Kiên- Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 03/2022/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn Th, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C1, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị C1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là anh Phạm Văn C trình bày:

Anh kết hôn tự nguyện với chị Nguyễn Thị C1 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Khai, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 13/8/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 8/2014 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng kết hôn đã lâu mà chưa có con chung dẫn

đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và đã ly thân từ tháng 8/2014 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn chị C1. Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ con chung và quan hệ tài sản.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị C1 đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị C1 không có mặt để tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa. Em trai chị C1 là anh Nguyễn Văn Hòa đã nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Toà án và đã gửi; thông báo các văn bản đó cho chị C1 biết. Hiện nay chị C1 đang làm ăn tại tỉnh Hải Dương không có địa chỉ cụ thể nhưng chị C1 vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Quan điểm của chị C1 thông qua gia đình cho biết: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị C1 chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 8/2014 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng sống với nhau đã lâu chưa có con chung và đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Chị C1 nhất trí ly hôn với anh C và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị. Chị và anh C không có con chung. Chị C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ con chung và quan hệ tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân cần xử cho anh C được ly hôn chị C1; về quan hệ con chung và quan hệ tài sản không đặt ra giải quyết. Anh C phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị C1 xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp

pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 8/2014 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt do không có con chung với nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Xét mâu thuẫn giữa anh C và chị C1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của anh C, xử cho anh C được ly hôn chị C1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Anh C và chị C1 không có con chung

Về quan hệ tài sản: Anh C và chị C1 đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về án phí: Anh C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị C1.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003464 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị C1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hưng Hà,
- UBND xã Minh Khai, H. Hưng Hà,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng